

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2021/HC-PT**

Ngày 21/01/2021

V/v: “*Khiếu kiện hủy quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thuế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tân Trường.

- ***Các Thẩm phán:*** Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Trần Quốc Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Ba - Thư ký TAND cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 13/2020/TLPT-HC ngày 07/10/2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thuế*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 575/2021/QĐXX-HCST ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Đặng Xuân L, địa chỉ: 364 Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (có đơn xin xét xử vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T1, địa chỉ: số 6, liên gia Y, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 12 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Việt H1 - Chức vụ: Phó cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, có đơn vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B; Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 90 đường N, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái V - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ:

27 đường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L1 - Chức vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thống kê, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ: 364 Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đồ Anh T1, địa chỉ: số 6, liên gia Y, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Ngày 26/12/2004, ông Đặng Xuân L nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông L, ngày 26/01/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B lập Phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với mức thu 50% mức chênh lệch giữa giá hai loại đất đối với diện tích 283m² và đã được Chi cục thuế thành phố B phát hành Thông báo nghĩa vụ tài chính cho ông L. Năm 2018, ông L kiến nghị việc xác định nghĩa vụ tài chính.

Ngày 18/12/2019, Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với ông Đặng Xuân L, theo đó ông L phải nộp 50% tiền sử dụng đất với số tiền là 203.560.000 đồng, không đồng ý với Thông báo nộp tiền sử dụng đất trên ông L đã khiếu nại. Ngày 21/01/2020, Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B ban hành Quyết định số 331/QĐ-CT với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L. Ngày 22/01/2020, ông L tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai gửi đến Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk. Ngày 06/3/2020, Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 395/QĐ-CT với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L, yêu cầu ông L nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số ngày 18/12/2019 của Chi cục thuế thành phố B.

Ông L cho rằng việc Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 395/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần hai là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bởi lẽ, nguồn gốc thửa đất số 283, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 108,80m², tại số 364 Đường H, phường T, thành phố B là do ông Trịnh Huy G được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp theo Quyết định số 59/QĐ-QP ngày 01/4/1987. Đến ngày 28/12/1993, ông Trịnh Huy G chuyển nhượng cho ông L diện tích đất trên. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 50 Luật Đất đai 2003 thì thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất khi kê khai cấp giấy chứng nhận. Việc Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai 2003 để xác định ông L phải nộp tiền sử dụng đất và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông L là không đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 của Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông L.

(Ông L không kiện hủy Quyết định số 331/QĐ-CT, ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B và Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố B).

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk trình bày:***

Ngày 31/01/2020, Cục trưởng cục thuế nhận được đơn khiếu nại đề ngày 22/01/2020 của ông Đặng Xuân L, khiếu nại đối với Quyết định số 331/QĐ-CT ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, với lý do: Chi cục thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 18/12/2019 đối với ông L là không đúng. Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 108,80m², tại số 364 Đường H, phường T, thành phố B là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Trịnh Huy G được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk giao quyền sử dụng đất theo giấy cho sử dụng đất số 17/XDD ngày 20/12/1982. Giấy sang nhượng giữa hộ ông Đặng Xuân L và ông Trịnh Huy G được UBND phường T xác nhận ngày 28/12/1993 và cho rằng theo khoản 1, 2 Điều 50 thì không phải đóng tiền sử dụng đất.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu của Chi cục thuế thành phố B và người khiếu nại cung cấp; đồng thời đối chiếu với quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai 2003 và khoản 2 Điều 8 Nghị định số 198/NCC-CP ngày 03/12/2020 của Chính phủ thì việc Chi cục thuế thành phố B đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 18/12/2019 và Quyết định số 331/QĐ-CCT ngày 21/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Đặng Xuân L là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Do nội dung khiếu nại của ông Đặng Xuân L không có cơ sở để chấp nhận nên Cục trưởng cục thuế đã ban hành Quyết định số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Đặng Xuân L. Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk khẳng định việc bác đơn khiếu nại của ông L là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục thuế thành phố B trình bày:***

Căn cứ vào Công văn số 2885/CNBTM-DKTK ngày 12/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B về việc cung cấp Thông tin địa chính đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 13, diện tích 108,8m², tại địa chỉ 364 Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì nguồn gốc nhận chuyển nhượng vào tháng 12/1993; mục đích sử dụng đất là đất ở đã sử dụng từ sau ngày 15/10/1993.

Đối chiếu hồ sơ, tài liệu do Đội Trước bạ và Thu khác cung cấp; hồ sơ, tài liệu do người khiếu nại cung cấp; hồ sơ xác minh nội dung khiếu nại theo đơn khiếu nại ngày 16/11/2019 của ông Đặng Xuân L lưu trữ tại Chi cục thuế, việc Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 18/12/2019 và Quyết định số 331/QĐ-CCT ngày 21/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần

đầu đối với ông Đặng Xuân L là có cơ sở và đúng quy định.

**** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày:***

Năm 2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B) nhận được hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên của ông Đặng Xuân L. Căn cứ hồ sơ, ngày 26/01/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B lập Phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với mức thu 50% mức chênh lệch giữa giá hai loại đất đối với diện tích 283m² và đã được Chi cục thuế thành phố B phát hành Thông báo nghĩa vụ tài chính cho ông L. Năm 2018, Chi nhánh nhận lại thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy sang nhượng đất của ông L, đồng thời ông L kiến nghị việc xác định nghĩa vụ tài chính. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông L, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã kiểm tra hồ sơ và nhận thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thể hiện được nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, diện tích chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ tài chính là chưa phù hợp. Do đó ngày 13/11/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đã có Công văn số 1734/CNBMT-ĐKTK gửi UBND phường T về việc xác minh nguồn gốc đất của ông L.

Ngày 10/5/2019, UBND phường T đã có Công văn số 23/UBND-ĐC về việc xác minh hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của ông L có nguồn gốc là do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Trịnh Huy G vào năm 1992, tháng 12/1993, ông G cắt một phần đất chuyển nhượng cho ông Đặng Xuân L, trong giấy tờ mua bán là 4mx25m, thực tế thửa đất này mặt trước 5m, phía sau không đủ 5m nên ông L đã nhận chuyển nhượng thêm một phần của ông Y Tuyên, nguồn gốc đất của ông Y Tuyên là do Bộ chỉ huy quân sự cấp.

Như vậy, căn cứ vào khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai 2003, khoản 2 Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì trường hợp của ông Đặng Xuân L phải nộp 50% giá đất theo quy định. Việc xác định nghĩa vụ tài chính và mức thu năm 2006 đối với thửa đất của ông Đặng Xuân L là chưa phù hợp. Do đó, ngày 24/7/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã có Công văn số 1542/CNBMT-ĐKTK về việc điều chỉnh thông tin địa chính và xác định nghĩa vụ tài chính của ông Đặng Xuân L chuyển Chi cục thuế thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2, Mục V Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân L.

1. Tuyên hủy Quyết định số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đặng Xuân L.

2. Tuyên hủy Quyết định số 331/QĐ-CT ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đặng Xuân L.

3. Kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 18/12/2019 đối với ông Đặng Xuân L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo.

Ngày 02/8/2020, ông Đặng Xuân L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông để hủy toàn bộ Quyết định số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 331/QĐ-CT ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B là đúng. Tuy nhiên Tòa án lại áp dụng điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất là chưa đúng. Vì nếu áp dụng Điều khoản này tức là định hướng việc ông phải nộp tiền sử dụng đất bằng 40% so với khởi kiện của ông là không phải nộp tiền sử dụng đất.

Ngày 10/8/2020 Cục thuế tỉnh Đắk Lắk và ngày 14/8/2020 Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B kháng cáo không chấp nhận toàn bộ nội dung quyết định bản án, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử: sửa Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện hợp pháp cho Người bị kiện là Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk và người đại diện theo ủy quyền cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện Người bị kiện và đại diện Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; không chấp nhận đơn kháng cáo và bác yêu cầu khởi kiện của người đại diện cho những người khởi kiện; sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện cho người khởi kiện là ông Đặng Xuân L, người đại diện hợp pháp cho Người bị kiện là Cục trưởng cục thuế

tỉnh Đắk Lắk và đại diện Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp cho Người bị kiện là Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk và người đại diện theo ủy quyền cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện người khởi kiện và Kiểm sát viên, HĐXX quyết định tiến hành phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nguồn gốc đất ông L đang sử dụng, HĐXX thấy rằng: Ngày 01/4/1987, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 59/QĐQP với nội dung cấp cho ông Trịnh Huy G 300m² đất thuộc khu vực doanh trại D83, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, sau đó ông G đã làm nhà ở một phần diện tích đất trên. Ngày 15/12/1993, ông Trịnh Huy G cắt một phần thửa đất là 100m² chuyển nhượng cho ông Đặng Xuân L 4m chiều ngang và 25m chiều dài; hiện tại là thửa đất số 283, tờ bản đồ số 13, diện tích thực tế là 108,8m², tại số 364 Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay và có xác nhận của UBND phường T, thành phố B ngày 28/12/1993.

[2.2]. Xét quá trình lập thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ của ông L, thì thấy: Ngày 26/12/2004, ông Đặng Xuân L nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông L, ngày 26/01/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với mức thu 50% mức chênh lệch giữa giá hai loại đất đối với diện tích 283m², ngày 11/5/2006 Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất xác định hộ ông L phải nộp 564.302.000 đồng, nhưng ông L không nộp mà cho đến năm 2018 ông L mới kiến nghị việc xác định nghĩa vụ tài chính cho ông là không đúng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông L, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã kiểm tra hồ sơ và tiến hành xác minh lại nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, diện tích chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ tài chính. Ngày 24/7/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã có Công văn số 1542/CNBMT-ĐKTK về việc điều chỉnh Thông tin địa chính và xác định mức thu tiền sử dụng đất đối với ông Đặng Xuân L là 50% đối với diện tích 108,8m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 13. Ngày 18/12/2019, Chi cục thuế thành phố B đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với ông Đặng Xuân L là 203.560.000 đồng. Ông L không đồng ý với thông báo nộp tiền sử dụng đất trên, nên ông đã khiếu nại. Ngày 21/01/2020, Chi cục trưởng Chi cục thuế

thành phố B ban hành Quyết định số 331/QĐ-CT với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L. Ngày 22/01/2020, ông L tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai. Ngày 06/3/2020, Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 395/QĐ-CT với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L, yêu cầu ông L nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số ngày 18/12/2019 của Chi cục thuế thành phố B.

[2.3] Xét kháng cáo của các bên đương sự, HĐXX thấy rằng: Ông L nhận chuyển nhượng đất từ ông Trịnh Xuân G vào ngày 15/12/1993, nguồn gốc đất được bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp vào ngày 22/12/1982 cho ông G là không đúng thẩm quyền. Như vậy đất này đã được ông G sử dụng và làm nhà ở ổn định trước ngày 15/10/1993, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các quy định của pháp luật có nội dung ông L phải nộp tiền sử dụng đất 40% để hủy các văn bản của cơ quan thuế yêu cầu ông phải nộp 50% tiền sử dụng đất là có căn cứ pháp luật. Bởi lẽ tại Điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Tài chính có quy định đất giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004, việc nộp tiền sẽ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP. Do vậy, các đương sự kháng cáo yêu cầu áp dụng quy định pháp luật khác để điều chỉnh là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân L hủy Quyết định số 331/QĐ-CT ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đặng Xuân L là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông L là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng mới; do đó HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện cho người khởi kiện, đại diện người bị kiện và đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông L là người cao tuổi có đơn xin miễn nên ông không phải nộp án phí; Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk và đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

1/ Bác kháng cáo của ông Đặng Xuân L, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2, Mục

V Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân L về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đặng Xuân L và Quyết định số 331/QĐ-CT ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đặng Xuân L.

1. Tuyên hủy Quyết định số 395/QĐ-CT ngày 06/3/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đặng Xuân L;

2. Tuyên hủy Quyết định số 331/QĐ-CT ngày 21/01/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đặng Xuân L.

3. Kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 18/12/2019 đối với ông Đặng Xuân L.

2/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đặng Xuân L được miễn theo quy định; Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B mỗi đương sự phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền các đương sự đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo các biên lai số 15465 ngày 12/8/2020 và số 15469 ngày 24/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (các đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (21/01/2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường

